VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh

Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 139/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh,[1]

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành: Điều 17, khoản 3 Điều 23, khoản 3 Điều 24, khoản 4 Điều 29, khoản 4 Điều 30 của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; xây dựng, phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; thẩm quyền quy định mẫu giấy chứng nhận và quản lý giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

---

[1] Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh".

Điều 2. Thẩm quyền triệu tập đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh

1. Đối tượng trong cơ quan, tổ chức của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

a)[2] Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương quyết định triệu tập đối tượng thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, người được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm giữ chức vụ, đại biểu Quốc hội, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các tổng cục thuộc bộ theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

Đối tượng quy định tại Điểm này gọi là đối tượng 1.

b) Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh quân khu quyết định triệu tập đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) quản lý, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cục, vụ và tương đương thuộc cơ quan, tổ chức của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở trên địa bàn quân khu, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo kế hoạch được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt;

Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố Hà Nội quyết định triệu tập đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ thành ủy quản lý, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cục, vụ và tương đương thuộc cơ quan, tổ chức của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội theo kế hoạch được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt;

Đối tượng quy định tại điểm này gọi là đối tượng 2;

c) Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh quyết định triệu tập đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) quản lý, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc cơ quan, tổ chức của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Trung ương có trụ sở trên địa bàn cấp tỉnh theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Đối tượng quy định tại điểm này gọi là đối tượng 3;

---

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

d) Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện quyết định triệu tập cán bộ, công chức, viên chức quản lý, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam trong cơ quan, tổ chức thuộc huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

đ) Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp xã quyết định triệu tập cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố (gọi chung là thôn); trưởng các đoàn thể ở thôn, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam không quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

e) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Trung ương, tỉnh có trụ sở trên địa bàn cấp huyện quyết định triệu tập cán bộ, công chức, viên chức quản lý, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam thuộc quyền không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

Đối tượng quy định tại các điểm d, đ và e khoản này gọi là đối tượng 4;

g) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thẩm quyền triệu tập bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho sĩ quan cấp tá, cấp úy, người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam trong Quân đội nhân dân không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

h) Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẩm quyền triệu tập bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho sĩ quan cấp tá, cấp úy, người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam trong Công an nhân dân không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Đối tượng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

a) Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh quyết định triệu tập người quản lý doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh (tương đương đối tượng 3) theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện quyết định triệu tập người quản lý doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 15 Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh (tương đương đối tượng 4) theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. Đối tượng là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư

a)[3] Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh quyết định triệu tập bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc, chức việc tôn giáo; các nhà hoạt động văn hóa, xã hội, khoa học, nghệ thuật trên địa bàn không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b)[4] Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện triệu tập bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho già làng, trưởng họ tộc trên địa bàn theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Điều 3. Cơ sở bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh

1. Học viện Quốc phòng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 1.

2.[5] Học viện Chính trị thuộc Bộ Quốc phòng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2 thuộc cơ quan, tổ chức của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của trung ương trên địa bàn thành phố Hà Nội; trường quân sự quân khu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2 trên địa bàn quân khu; Trường quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2 của thành phố Hà Nội;

3.[6] Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 3 và tương đương đối tượng 3 như sau:

a) Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 3 và tương đương đối tượng 3 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

---

[3] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[4] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

b) Trường Quân sự Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 3 và tương đương đối tượng 3 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Đối tượng 3 và tương đương đối tượng 3 trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh tại trung đoàn khung thường trực hoặc trung đoàn bộ binh, trung tâm huấn luyện dự bị động viên thuộc tỉnh, thành phố.

4.[7] Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tham mưu cho Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cùng cấp tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 thuộc cơ quan, tổ chức của huyện và tương đương đối tượng 4, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, già làng, trưởng họ tộc trên địa bàn, theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Cơ quan, tổ chức của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của trung ương, của tỉnh có trụ sở trên địa bàn huyện, Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp xã tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 thuộc quyền quản lý theo kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

5.[8] Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh quy định địa điểm bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định này.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cơ sở bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho sĩ quan cấp tá, cấp úy, người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam trong Quân đội nhân dân không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

7. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cơ sở bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho sĩ quan cấp tá, cấp úy, người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam trong Công an nhân dân không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

---

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Điều 4. Xây dựng và phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh

1. Trình tự xây dựng và phê duyệt kế hoạch

a) Hằng năm hoặc giai đoạn, cơ quan Thường trực của Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng của Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 1 năm sau hoặc giai đoạn, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 7; chỉ đạo Học viện Quốc phòng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh từng khóa trình Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Hằng năm, cơ quan Thường trực của Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh quân khu chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, địa phương liên quan, giúp Tư lệnh quân khu xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2 trên địa bàn quân khu năm sau, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt vào tháng 6; chỉ đạo trường quân sự quân khu xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh từng khóa trình Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh quân khu phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Hằng năm, cơ quan Thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng của bộ, ngành Trung ương có trụ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội, giúp Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2 thuộc bộ, ngành Trung ương năm sau, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt vào tháng 6; phối hợp với Học viện Chính trị xây dựng kế hoạch từng khóa trình Trưởng ban thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Hằng năm, cơ quan Thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng của Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ, cơ quan, tổ chức liên quan, giúp Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 2 của thành phố Hà Nội năm sau, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt vào tháng 6; chỉ đạo trường quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội xây dựng kế hoạch bồi dưỡng từng khóa trình Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố Hà Nội phê duyệt và tổ chức thực hiện.

c)[9] Hằng năm, Cơ quan Thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức cấp ủy cùng cấp, Sở Nội vụ, cơ

---

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày

quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 3 và tương đương đối tượng 3, chức sắc, chức việc tôn giáo, các nhà hoạt động văn hóa, xã hội, khoa học, nghệ thuật trên địa bàn năm sau, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vào tháng 7; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng từng khóa trình Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố chỉ đạo trường quân sự xây dựng kế hoạch bồi dưỡng từng khóa trình Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện.

d)[10] Hằng năm, việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 được thực hiện như sau:

Cơ quan Thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức cấp ủy cùng cấp, Phòng Nội vụ, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 và tương đương đối tượng 4, già làng, trưởng họ tộc của huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã năm sau, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt vào tháng 7; xây dựng kế hoạch từng khóa trình Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp xã xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 của xã (trừ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã) năm sau, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt vào tháng 7, xây dựng kế hoạch từng khóa trình Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của trung ương, của cấp tỉnh có trụ sở trên địa bàn cấp huyện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 thuộc quyền năm sau, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt vào tháng 7; xây dựng kế hoạch từng khóa trình Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện.

đ) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho sĩ quan cấp tá, cấp úy,

---

25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam trong Quân đội nhân dân không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 2 Nghị định này;

e) Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho sĩ quan cấp tá, cấp úy, người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam trong Công an nhân dân không thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

2. Nội dung kế hoạch gồm: Mục đích, yêu cầu, nội dung chương trình, thành phần, đối tượng bồi dưỡng, thời gian, địa điểm, điều kiện bảo đảm và tổ chức thực hiện.

Điều 5. Mẫu giấy chứng nhận và quản lý giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định mẫu giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng trên phạm vi cả nước.

2. Quản lý giấy chứng nhận

a) Giám đốc Học viện Quốc phòng quyết định việc in, cấp, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 1;

b) Giám đốc Học viện Chính trị, hiệu trưởng trường quân sự quân khu quyết định việc in, cấp, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2;

c) Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bảo đảm giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2, 3, 4, người quản lý doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư của thành phố Hà Nội; Hiệu trưởng trường quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội quyết định việc cấp, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 2 của thành phố Hà Nội;

d) Tư lệnh Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh bảo đảm giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 3, 4, người quản lý doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư trên địa bàn;

đ)[11] Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh; Hiệu trưởng Trường quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Trường quân sự Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh quyết định cấp, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh quyết định việc cấp, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc, chức việc tôn giáo; các nhà hoạt động văn hóa, xã hội, khoa học, nghệ thuật trên địa bàn.

Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện quyết định việc cấp, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 thuộc cơ quan, tổ chức của huyện và tương đương đối tượng 4, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, già làng, trưởng họ tộc trên địa bàn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc cấp, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 của xã;

e)[12] Người đứng đầu cơ quan, tổ chức của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của trung ương, của cấp tỉnh quyết định việc cấp, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 thuộc quyền quản lý.

3. Điều kiện cấp, cấp lại, hủy bỏ, thu hồi giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật về văn bằng, chứng chỉ.

Điều 6. Trình độ chuẩn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh; thời gian, lộ trình hoàn thành

1. Giáo viên phải có một trong các trình độ chuẩn sau đây:

a) Có bằng cử nhân giáo dục quốc phòng và an ninh;

---

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[12] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh;

c) Có văn bằng 2 về chuyên ngành đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Giảng viên phải có một trong các trình độ chuẩn sau đây:

a) Có bằng cử nhân giáo dục quốc phòng và an ninh trở lên;

b) Cán bộ quân đội, công an có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

3. Thời gian, lộ trình hoàn thành

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng, điều chỉnh đề án đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh bảo đảm:

a) Đến hết năm 2016 có trên 70%, hết năm 2020 có trên 90% giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh được đào tạo đạt trình độ chuẩn;

b) Đến hết năm 2016 có trên 50%, hết năm 2020 có trên 70% giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được đào tạo đạt trình độ chuẩn.

Điều 7. Điều kiện để cơ sở giáo dục đại học, trường của lực lượng vũ trang nhân dân được đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh

Cơ sở giáo dục đại học, trường của lực lượng vũ trang nhân dân có đủ các điều kiện sau đây thì được Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét mở ngành đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh:

1. Có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng của chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 01 giảng viên có trình độ tiến sĩ và 03 giảng viên có trình độ thạc sĩ đúng ngành đăng ký.

2. Có chương trình đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Có mặt bằng, kết cấu hạ tầng, giảng đường, thao trường, bãi tập, phòng học chuyên dùng, cơ sở vật chất bảo đảm giảng dạy, học tập, rèn luyện, sinh hoạt tập trung theo nếp sống quân sự cho sinh viên.

4. Có thư viện, phòng tra cứu thông tin, có phần mềm và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, bài giảng của các học phần/môn học, các tài liệu liên quan, có tạp

chí trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.

5. Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ đại học giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.

Điều 8. Nguồn kinh phí cho giáo dục quốc phòng và an ninh

1. Ngân sách Trung ương bảo đảm nội dung chi cho giáo dục quốc phòng và an ninh của các bộ, ngành.

2. Ngân sách địa phương bảo đảm nội dung chi cho giáo dục quốc phòng và an ninh của địa phương.

3. Kinh phí của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp chi cho giáo dục quốc phòng và an ninh.

4. Các khoản đầu tư, tài trợ của tổ chức, cá nhân và các khoản thu hợp pháp khác chi cho giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nội dung chi của Bộ Quốc phòng

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về giáo dục quốc phòng và an ninh theo thẩm quyền; biên soạn, in giáo trình, tài liệu; giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

2. Bảo đảm bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 1, đối tượng 2, sĩ quan cấp tá, cấp úy, người quản lý doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, đảng viên trong Quân đội nhân dân.

3. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, bảo đảm chế độ, quyền lợi cho giáo viên, giảng viên; chế độ, quyền lợi cho báo cáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc quyền theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, trang bị kỹ thuật, thiết bị dạy học quân dụng chuyên dùng phục vụ dạy và học môn giáo dục quốc phòng và an ninh cho các cơ sở giáo dục trên phạm vi cả nước; bảo đảm phương tiện, vật chất về giáo dục quốc phòng và an ninh cho cơ quan, đơn vị, nhà trường quân đội được giao nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh; bảo đảm trang phục dùng chung cho sinh viên học tập tại các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

5. Bảo đảm hoạt động của Hội đồng, cơ quan Thường trực Hội động giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương, quân khu, cơ quan, đơn vị thuộc quyền được giao nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh.

6. Quy hoạch, xây dựng, nâng cấp trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc nhà trường quân đội, cơ sở bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 1, đối tượng 2, đối tượng 3.

7. Nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, học tập ở nước ngoài về lĩnh vực giáo dục quốc phòng và an ninh.

8. Hoạt động công tác đảng, công tác chính trị, tuyên truyền, phổ biến về giáo dục quốc phòng và an ninh; kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục quốc phòng và an ninh theo thẩm quyền.

9. Các khoản chi khác cho giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nội dung chi của địa phương

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về giáo dục quốc phòng và an ninh; in giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo thẩm quyền.

2. Bồi dưỡng, tập huấn, bảo đảm chế độ, quyền lợi cho tuyên truyền viên, giáo viên, giảng viên; chế độ, quyền lợi cho báo cáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc quyền theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường từ trung học phổ thông đến đại học của địa phương; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng thuộc thẩm quyền triệu tập của Chủ tịch Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho nhân dân địa phương.

4. Bảo đảm phương tiện, vật chất, giáo trình, tài liệu giáo dục quốc phòng và an ninh cho các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục của địa phương.

5. Bảo đảm hoạt động của Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh, cơ quan thường trực Hội động giáo dục quốc phòng và an ninh cấp tỉnh, cấp huyện; Hội động giáo dục quốc phòng và an ninh cấp xã.

6. Quy hoạch, xây dựng, nâng cấp công trình phục vụ trực tiếp giáo dục, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh của địa phương.

7. Kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục quốc phòng và an ninh theo thẩm quyền.

8. Các khoản chi khác cho giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Nội dung chi của cơ quan của nhà nước

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về giáo dục quốc phòng và an ninh theo thẩm quyền.

2. Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng, tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm phương tiện, vật chất, sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu về giáo dục quốc phòng và an ninh cho cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục thuộc quyền.

4. Xây dựng, nâng cấp công trình phục vụ trực tiếp giáo dục, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh thuộc cơ quan của nhà nước quản lý.

5. Kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục quốc phòng và an ninh theo thẩm quyền.

6. Các khoản chi khác cho giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nội dung chi của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về giáo dục quốc phòng và an ninh theo thẩm quyền.

2. Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng, tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm phương tiện, vật chất, sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu về giáo dục quốc phòng và an ninh cho cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục thuộc quyền.

4. Xây dựng, nâng cấp cơ sở giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

5. Tham gia kiểm tra, thanh tra; thực hiện sơ kết, tổng kết, khen thưởng về giáo dục quốc phòng và an ninh theo thẩm quyền.

6. Các khoản chi khác cho giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nội dung chi của doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập

1. Bảo đảm chế độ, quyền lợi cho đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các khoản chi khác cho giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành[13]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2014.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Nghị định.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 01 /VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2021

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Ngô Xuân Lịch

---

[13] Điều 2, Điều 3 của Nghị định số 139/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021, quy định như sau:

"**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này"./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng